

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 09 tháng 04, 2026

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading





- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá

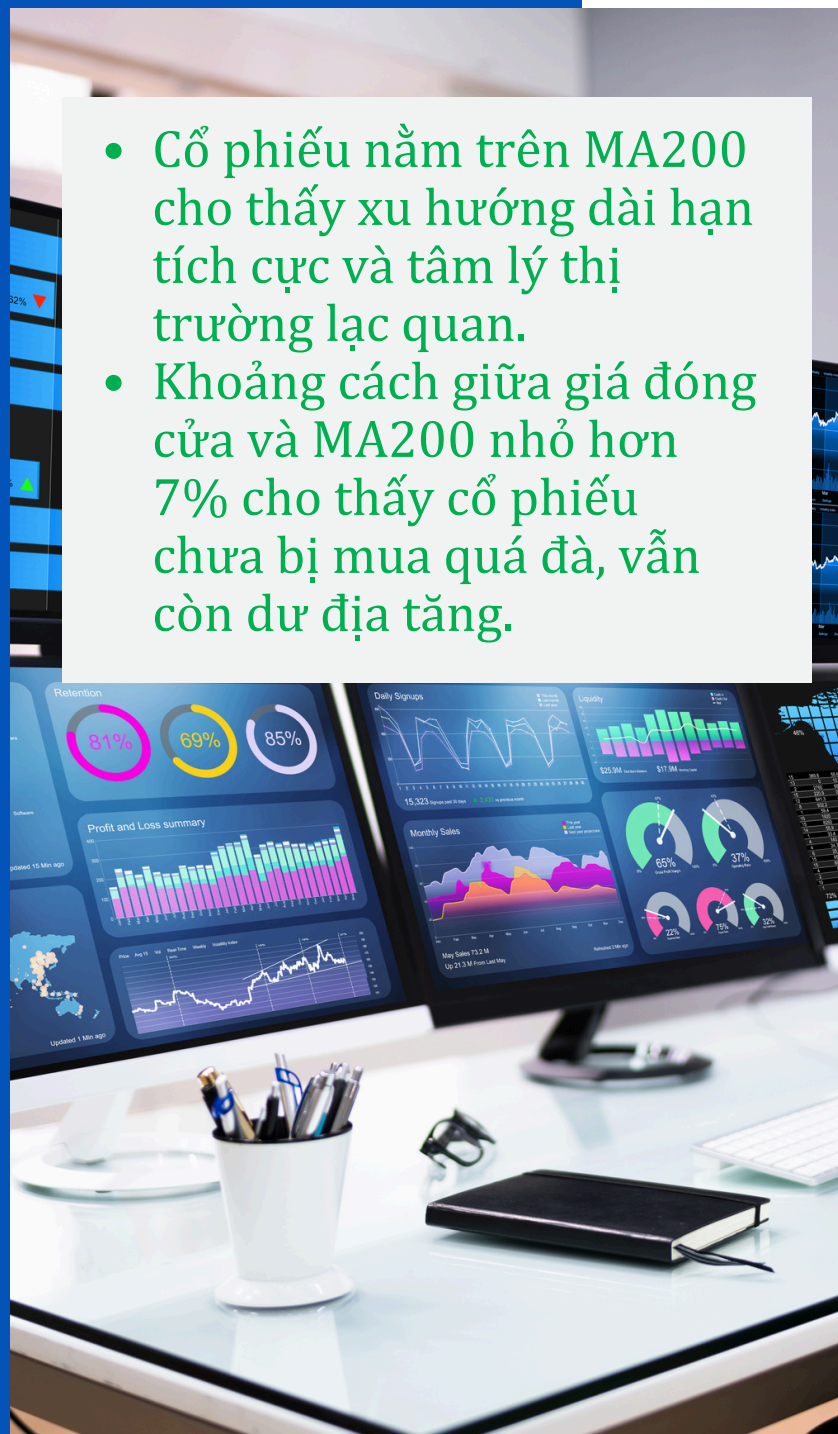


STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	CDC	08/04/2026	22.8	1.164.500	170.117	6.85
2	DCL	08/04/2026	46.6	1.947.600	490.553	3.97
3	BMP	08/04/2026	133.2	596.100	230.530	2.59
4	BSI	08/04/2026	38	1.153.500	462.280	2.5
5	BWE	08/04/2026	43.05	598.300	241.393	2.48
6	MZG	08/04/2026	13.3	1.764.600	723.853	2.44
7	HCM	08/04/2026	25.4	30.192.700	13.882.377	2.17
8	KLB	08/04/2026	14.2	662.400	309.173	2.14
9	ORS	08/04/2026	13.08	7.583.800	3.551.780	2.14
10	VIX	08/04/2026	18.1	75.304.304	37.110.940	02.03
11	VND	08/04/2026	17.15	27.424.100	14.135.577	1.94
12	VIB	08/04/2026	17.35	11.248.400	6.108.897	1.84
13	GEX	08/04/2026	39.2	14.559.100	7.945.450	1.83
14	BID	08/04/2026	41.45	15.053.900	8.279.070	1.82
15	CII	08/04/2026	18.8	29.359.000	16.216.297	1.81
16	DTD	08/04/2026	17.7	546.100	304.310	1.79
17	DXP	08/04/2026	13.9	1.319.600	735.720	1.79
18	SHS	08/04/2026	18.6	32.385.500	18.406.330	1.76
19	BVS	08/04/2026	28.4	578.000	330.860	1.75
20	YEG	08/04/2026	10.1	2.539.300	1.454.440	1.75
21	NVL	08/04/2026	15.75	30.279.800	17.544.776	1.73
22	FTS	08/04/2026	29.35	2.039.000	1.219.880	1.67
23	CTS	08/04/2026	29.05	1.554.400	953.263	1.63
24	VCB	08/04/2026	60.2	13.743.100	8.478.960	1.62
25	CEO	08/04/2026	17.5	18.829.700	11.839.133	1.59
26	CMG	08/04/2026	29.3	585.000	373.643	1.57
27	HDB	08/04/2026	26.35	23.664.600	15.227.890	1.55
28	VGC	08/04/2026	45.9	1.568.000	1.030.513	1.52
29	HPG	08/04/2026	28	67.646.600	44.566.356	1.52



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	BID	08/04/2026	41.45	7.769.150	50.81	40.88	1.4
2	CTD	08/04/2026	82.5	910.150	51.18	79.21	4.16
3	CTG	08/04/2026	35.5	7.876.710	54.16	34.65	2.44
4	DGW	08/04/2026	45.75	1.553.200	52.84	43.71	4.66
5	DPR	08/04/2026	41.35	525.120	54.01	38.98	06.08
6	DRI	08/04/2026	13	500.470	51.99	12.52	3.83
7	GAS	08/04/2026	79.9	1.659.500	39.5	74.68	6.99
8	GEG	08/04/2026	15.6	2.639.150	47.73	15.59	0.09
9	HAG	08/04/2026	16.25	4.738.220	55.87	16.12	0.78
10	HCM	08/04/2026	25.4	16.659.980	68.68	24.04	5.66
11	HDG	08/04/2026	28.75	2.804.330	52.02	28.69	0.2
12	HNG	08/04/2026	6.4	1.735.660	59.84	6.16	3.9
13	HNM	08/04/2026	8.3	517.430	59.7	8.18	1.41
14	HPG	08/04/2026	28	32.356.900	59.71	26.89	4.11
15	HUT	08/04/2026	16.8	3.466.490	54.11	16.53	1.65
16	MBB	08/04/2026	26.6	17.242.070	52.84	25.01	6.35
17	MWG	08/04/2026	81.9	6.599.740	49.99	79.37	3.19
18	ORS	08/04/2026	13.8	3.060.190	55.17	13.28	3.9
19	PAN	08/04/2026	31.9	835.850	56.05	30.49	4.63
20	PLX	08/04/2026	40.5	3.824.780	38.76	40.48	0.06
21	POW	08/04/2026	13	10.066.640	47.28	12.65	2.8
22	PPC	08/04/2026	10.35	669.780	48.27	10.26	0.89
23	QTP	08/04/2026	12.9	1.172.390	45.88	12.29	4.93
24	REE	08/04/2026	66.7	1.886.530	53.81	64	4.23
25	TTA	08/04/2026	11.8	1.070.930	54.15	11.14	5.89
26	VCI	08/04/2026	29	10.796.600	62.28	28.16	2.99
27	VHC	08/04/2026	59.2	645.510	50.64	57.56	2.85
28	VNM	08/04/2026	62.6	3.565.140	51.12	61.1	2.46





Đỉnh và đáy là mức kháng cự và hỗ trợ quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	ASP	5.97	5.78	201.100
2	MSB	12.2	11.75	8000830
3	OCB	11.6	11.35	1.071.890
4	VAB	10.45	10.3	341.160

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	DVM	7.1	7.1	252.890
2	NVL	15.75	14.75	19.282.940
3	TCI	10.45	9.92	207680

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	VVS	97.1	99.6	271.320

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	BCG	2.53	2.43	7.988.540
2	VVS	97.1	92.9	271.320



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	BID	41.45	40.88	7.769.150
2	CTG	35.5	34.65	7.876.710
3	DGW	45.75	43.71	1553200
4	DLG	2.9	2.85	1.617.000
5	DRI	13	12.52	500.470
6	GEG	15.6	15.59	2.639.150
7	HAG	16.25	16.12	4.738.220
8	HDG	28.75	28.69	2.804.330
9	HNG	6.4	6.16	1.735.660
10	HPG	28	26.89	32356900
11	HUT	16.8	16.53	3466490
12	MWG	81.9	79.37	6599740
13	PLX	40.5	40.48	3824780
14	POW	13	12.65	10066640

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	ACB	24.1	23.66	10.323.530
2	CEO	17.5	17.28	11.889.550
3	CTD	82.5	81.64	910150
4	DPR	41.35	41.08	525.120
5	DRI	13	12.92	500.470
6	DXG	14.85	14.62	20.255.600
7	EIB	23.5	22.18	10.474.590
8	FCN	13.3	13.13	848.440
9	GEG	15.6	15.42	2639150
10	GMD	74.5	74.44	2412620
11	HAG	16.25	16.11	4738220
12	HHV	12.25	12.11	5628560

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	AAA	07.09	7	776.910
2	ACB	24.1	23.49	10.323.530
3	ACV	46.9	46.28	618760
4	BCM	55	53.33	517.380
5	BID	41.45	39.89	7.769.150
7	CTD	82.5	82.15	910150
8	CTG	35.5	34.16	7876710
9	CTI	23.5	22.89	502580
10	DBC	23.4	23.7	2052570
11	DGW	45.75	44.02	1553200
12	DIG	14.45	13.77	12972140
13	DPR	41.35	40.15	525120
14	DRI	13	12.73	500470
15	DXG	14.85	14.08	20255600
16	EIB	23.5	22.56	10474590
17	EVF	13.95	13.89	10786950
18	FPT	79.1	75.89	7628520
19	GVR	33.2	32.04	3182820
20	HAG	16.25	15.68	4738220
21	HAH	56.4	55.26	859610
22	HDB	26.35	25.34	14864650
23	HDC	18.9	18.07	3106270
24	HHV	12.25	12.04	5628560
25	HQC	2.64	2.59	3007010
26	HSG	15.1	14.6	2816990
27	HUT	16.8	16.51	3466490
28	HVN	22.7	21.63	1082540



Cắt xuống đường trung bình MA200

Cắt xuống đường trung bình MA20

Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA50



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	SJD	08/04/2026	14	13.7	14.25	04.01	61,500
2	VTZ	08/04/2026	20.3	19.7	20.6	4.57	1,237,160
3	SSB	08/04/2026	17	16.3	17.5	4.6	1,847,480
4	PPT	08/04/2026	15.7	15.1	15.8	4.64	286,360
5	SBG	08/04/2026	11.5	11.3	11.9	5.31	82,680
6	ODE	08/04/2026	45.4	43.8	46.3	5.71	18,020
7	MCM	08/04/2026	25.85	25	26.45	5.8	12,160
8	BAF	08/04/2026	35.45	33.5	35.5	5.97	1,602,000
9	VSH	08/04/2026	43.3	42	44.6	6.19	9,380
10	TBC	08/04/2026	34.8	34.5	37	7.25	7,220
11	PRE	08/04/2026	22.3	21.3	22.9	7.51	18,480
12	GDT	08/04/2026	19.15	18.75	20.2	7.73	9,760
13	PGB	08/04/2026	12.3	11.5	12.5	8.7	7,360
14	SVT	08/04/2026	11.25	10.8	11.8	9.26	13,020
15	OCB	08/04/2026	11.6	10.6	11.6	9.43	1,260,620
16	TNH	08/04/2026	10.15	9.98	10.95	9.72	76,140
17	VAB	08/04/2026	10.45	9.5	10.45	10	418,000



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & TỰ doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009